



ān shuǐ

氨水

noun · ammonia water

Example Sentences

ān shuǐ shì yè tǐ

氨水是液体。

Ammonia water is a liquid.

nóng mín yǒu shí yòng ān shuǐ zuò féi liào

农民有时用氨水做肥料。

Farmers sometimes use ammonia water as fertilizer.

ān shuǐ zài gōng yè shàng cháng yòng yú qīng jié hé zhì lěng

氨水在工业上常用于清洁和制冷。

Ammonia water is commonly used in industry for cleaning and refrigeration.

Trace each character, then write the word on your own.

氤 氲 氤 氲 氤 氲 氤 氲 氤 氲 氤 氲

氦 氦

水 水 水 水 水 水 水